

VỀ CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA QUYỀN CON NGƯỜI

*Nguyễn Trung Tín**

Một trong các đặc điểm của Nhà nước pháp quyền hiện đại là sự đảm bảo một cách đầy đủ nhất các quyền và tự do của cá nhân (con người).

Ngoài ra, những vấn đề quyền con người hiện nay thu hút sự quan tâm đặc biệt của cộng đồng quốc tế. Về tầm quan trọng và tính thời sự của chúng, không có gì đáng tranh luận, bởi vì các quyền con người là bộ phận cấu thành của xã hội, hình thành khả năng sáng tạo của cá nhân và nhân loại sau thời hậu công nghiệp. Về tầm quan trọng của quyền con người, ủy ban quốc tế của Liên hợp quốc về quyền con người khẳng định: “Quyền con người là những quyền tự nhiên và cố hữu của con người mà nếu không có các quyền đó, chúng ta không thể sống như một con người”¹.

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về tính chất, đặc điểm, cách thức bảo vệ quyền con người ở các quốc gia. Bài viết này nhằm góp phần làm rõ thêm các đặc điểm của quyền con người.

1. CÁC ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN

Quyền con người có một số đặc điểm cơ bản. Các đặc điểm này thể hiện tính phổ biến của nó. Điều này có nghĩa là các đặc điểm cơ bản của nó được thể hiện ở mọi quốc gia không phụ thuộc vào chế độ chính trị – kinh tế của họ. Nếu như ở đâu đó quyền con người không thể hiện được các đặc điểm cơ bản như vậy thì điều đó có nghĩa là quyền con người chưa được đảm bảo theo các tiêu chí chung.

Trong khoa học pháp lý và các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người, người ta

thường nói tới các đặc điểm cơ bản sau về quyền con người như: tính không thể tước đoạt, tính không thể phân chia, tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau.

Tính không thể tước đoạt của quyền con người thể hiện ở chỗ quyền con người không thể bị tước đoạt một cách tùy tiện trừ trường hợp sự tước đoạt đó nhằm bảo vệ các quyền con người của người khác do hành vi vi phạm pháp luật của người bị tước đoạt. Ví dụ, một người phạm tội giết người thì có nghĩa là đã tước đoạt quyền sống của người khác và như vậy anh ta cần phải bị trừng phạt bằng các biện pháp mà pháp luật quy định nhằm mục đích răn đe, ngăn ngừa và giáo dục đối với chính anh ta nói riêng và xã hội nói chung (ví dụ, biện pháp tù giam sẽ tước đoạt của anh ta một số quyền cơ bản của con người). Tuy nhiên, sự tước đoạt ở đây được giải thích có cơ sở từ chính góc độ bảo vệ các quyền con người.

Tính không thể phân chia của quyền con người thể hiện ở chỗ quyền con người là tổng thể các quyền và tự do của con người gắn bó với nhau, trong đó không có quyền nào quan trọng hơn quyền nào. Ví dụ, các quyền chính trị – dân sự cũng cần thiết và quan trọng không kém các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội. Tuy nhiên, trong thực tế thực hiện, tùy từng hoàn cảnh khác nhau, người ta có thể nhấn mạnh hoặc chú ý bảo vệ tới một số các quyền nhất định. Ví dụ, trong trường hợp dịch bệnh đe dọa, quyền được chăm sóc y tế và các biện pháp cần thiết để đảm bảo điều đó có thể được áp dụng và vì vậy các quyền khác có thể ít được chú ý tới hoặc thậm chí có thể bị tổn thương. Song điều đó không có nghĩa là có sự phân biệt tầm quan trọng của các quyền con người. Vấn đề ở đây là ở chỗ quyền con người cần phải được đảm bảo trên thực tế sao cho hiệu quả phù hợp với tình hình. Hay đối với một

* PGS.TS. Luật học, Phó Tổng biên tập Tạp chí Nhà nước và Pháp luật.

¹ United Nations, Human Rights Center: - Human Rights – Questions and Answers, Geneva, 1994, c. 6.

số đối tượng như phụ nữ và trẻ em, đã có các công ước quốc tế mang tính phổ biến về việc bảo vệ riêng quyền của phụ nữ và trẻ em. Điều này cũng không có nghĩa là có sự phân chia các quyền của các đối tượng khác nhau mà là ở chỗ các đối tượng này thường là các nạn nhân của sự vi phạm quyền con người vì các yếu tố khách quan như truyền thống văn hóa hoặc các yếu tố sức khỏe...

Vấn đề ở đây là ở chỗ nếu chúng ta quan tâm thích đáng đến một nhóm đối tượng riêng biệt – những đối tượng thường là nạn nhân của sự vi phạm quyền con người thì trên thực tế chúng ta có thể ngăn chặn được các hành vi vi phạm quyền con người được che đậy và bao biện bởi các lý do truyền thống, văn hóa không thể chấp nhận được.

Ngoài ra, các quyền con người có tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Tính chất này của quyền con người được thể hiện ở chỗ, các quyền con người không tồn tại một cách biệt lập mà là tồn tại trong tổng thể và trong đó các quyền này là điều kiện để đảm bảo các quyền khác và ngược lại. Ví dụ, các quyền và tự do chính trị là các điều kiện để đảm bảo các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội. Điều này đã được minh chứng trong lịch sử phát triển của nhân loại. Các quốc gia – nơi đảm bảo tốt các quyền và tự do chính trị và dân sự như: quyền bầu cử, ứng cử, tự do đi lại, cư trú, tự do hội họp, biểu tình, bãi công, tư tưởng, ở đó đảm bảo có một đội ngũ công chức, viên chức có tài, có đức phục vụ nhân dân. Trong điều kiện đó nền kinh tế thị trường mới phát triển lành mạnh theo đúng quy luật của nó và vì thế các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội mới có thể được đảm bảo thực tế, ví dụ, quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyền có nhà ở, quyền được học hành.

Ngược lại, các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội được đảm bảo sẽ là cơ sở để đảm bảo tốt các quyền chính trị, dân sự. Ví dụ, ở những nơi dân trí thấp, đói nghèo thì khó có thể nói rằng người dân đã thực hiện tốt quyền bầu cử, quyền tham gia vào quản lý đất nước.

Chính vì vậy, việc đảm bảo các quyền con người cần phải được tiến hành một cách tổng thể, không thể chỉ chú ý tới quyền này mà bỏ qua các quyền khác. Điều này ít nhất có hai nguyên nhân sau: thứ nhất, các quyền con người đều là rất cần thiết cho sự phát triển toàn diện của con người (ví dụ, các quyền chính trị, dân sự cần thiết cho sự phát triển chủ yếu về mặt tinh thần, trong khi đó các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội cần thiết cho sự phát triển chủ yếu về thể chất; thứ hai, việc đảm bảo quyền này có ý nghĩa hỗ trợ cho việc bảo đảm các quyền khác (như đã trình bày ở trên)².

Như vậy, tính phổ biến của quyền con người thể hiện ở chỗ dù cho quốc gia theo thể chế chính trị - xã hội gì, dù cho ở trình độ phát triển nào, dù cho theo đuổi giá trị văn hóa truyền thống ra sao thì nếu quốc gia nào đó muốn trở thành quốc gia bảo vệ tốt quyền con người, muốn có một Nhà nước pháp quyền thì quốc gia đó phải đảm bảo sao cho các quyền con người có những đặc điểm cơ bản kể trên.

Trong khoa học pháp lý về quyền con người có các quan điểm khác nhau về tính phổ biến của quyền con người. Tựu chung lại có ba quan điểm liên quan tới tính chất trên của quyền con người: quan điểm thứ nhất cho rằng quyền con người chỉ mang tính phổ biến; quan điểm thứ hai cho rằng quyền con người chỉ mang tính đặc thù; quan điểm thứ ba cho rằng quyền con người vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù³.

Theo chúng tôi, quyền con người chỉ mang tính phổ biến.

Tính phổ biến của quyền con người đã được lập luận ở trên. Vấn đề là ở chỗ ngoài tính phổ biến, quyền con người có tính đặc thù hay không (?). Điều này chúng tôi sẽ đề cập tới khi bàn về quan điểm thứ ba như đã nêu trên.

² Xem: Vũ Công Giao, "Cơ chế của Liên hợp quốc về nhân quyền", Luận văn cao học, tr. 82.

³ Xem: Mar-côv B.V, "Nhân chủng học triết học: Những khía cạnh lịch sử và lý luận", 1997, tiếng Nga, tr. 131.

Quan điểm thứ hai cho rằng quyền con người chỉ có tính đặc thù là không thể chấp nhận được bởi chính các điều ước quốc tế phổ biến về quyền con người đã khẳng định điều này. Rõ ràng các quyền con người được ghi nhận trong các điều ước quốc tế phổ biến khẳng định sự thừa nhận của các quốc gia về tính phổ biến của nó.

Vấn đề còn lại là quan điểm thứ ba – quan điểm cho rằng quyền con người vừa có tính phổ biến vừa có tính đặc thù. Bản thân quan điểm này đã có sự mâu thuẫn về mặt lô gíc hình thức. Bởi vì, liệu có cái gì lại vừa có tính phổ biến và vừa có tính đặc thù hay không (?).

Như chúng tôi đã phân tích ở trên, quyền con người tồn tại trong chính thể bao gồm nhóm thứ nhất là các quyền dân sự và chính trị và nhóm thứ hai là các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội. Vậy thì có thể bất cứ một quyền nào trong đó vừa có tính phổ biến và vừa có tính đặc thù hay không(?). Theo chúng tôi khi chúng ta nói quyền con người có tính phổ biến có nghĩa là chúng ta phủ nhận tính đặc thù của nó và ngược lại.

Ví dụ, quyền bầu cử và ứng cử là một quyền chính trị mà các quốc gia phải đảm bảo. Khi đó chúng ta nói rằng, quyền bầu cử và ứng cử mang tính phổ biến. Vậy thì tính đặc thù ở đây là gì (?). Phải chăng những người nói về tính đặc thù muốn ám chỉ cách thức thực hiện chúng? Về cách thức bầu cử và ứng cử thì có thể thực hiện bằng nhiều cách khác nhau song không thể đụng chạm tới tính tự nguyện, bình đẳng được. Điều đó đã được khẳng định bởi nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Nếu không đảm bảo trên thực tế như vậy thì có nghĩa là có sự vi phạm các quyền này. Tuy nhiên, trong từng điều kiện kinh tế khác nhau, mà các quốc gia đảm bảo cho sự tuyên truyền bầu cử không giống nhau. Song điều này không phải là tính đặc thù của các quyền bầu cử và ứng cử mà là mức độ bảo vệ quyền con người có sự không đồng đều ở các quốc gia do trình độ phát triển của mình.

Trong lĩnh vực quyền kinh tế, văn hóa và xã hội, mức độ bảo vệ các quyền đó ở các quốc gia có sự chênh lệch rõ rệt. Song có điều ai cũng thấy hướng đảm bảo phía trước của chúng để mà phấn đấu là giống nhau. Song không phải vì thế mà chúng ta có thể khẳng định rằng quyền con người có cả tính đặc thù.

Như vậy, rõ ràng việc thực hiện quyền con người ở các quốc gia có sự khác biệt vì có sự khác nhau về điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội. Ví dụ, ở một số quốc gia việc tự do tư tưởng và báo chí bị hạn chế bởi một số quyền tự do tín ngưỡng.

Sự khác nhau về tín ngưỡng và niềm tin tạo ra bầu không khí mà theo đó các quyền con người ở quốc gia này có thể có ranh giới không giống như ở quốc gia khác, song ở đây nhằm không đụng chạm tới các quyền con người mà ở các quốc gia khác không có. Ở đây nguyên tắc quyền con người chung vẫn được tôn trọng - “tự do của một người kết thúc ở đâu ở đó bắt đầu tự do của người khác”.

Tính phổ biến của quyền con người còn được khẳng định trong luật quốc tế. Quyền con người trong luật quốc tế được hiểu là tổng thể các quyền và tự do cơ bản của con người được ghi nhận trong các điều ước quốc tế phổ biến. Đã qua rồi thời kỳ quyền con người được coi là thuộc công việc nội bộ của một quốc gia. Nếu như một quốc gia nào đó không đảm bảo được các quyền và tự do cơ bản của con người thì điều đó có nghĩa là quốc gia ấy đã vi phạm các cam kết quốc tế về quyền con người. Theo Công ước Viên năm 1969 về Luật Điều ước quốc tế, quốc gia không được viện dẫn vào pháp luật của mình để vi phạm các cam kết quốc tế. Điều này có nghĩa là quốc gia không được viện dẫn vào trình độ phát triển, truyền thống phong tục, chế độ chính trị để vi phạm các cam kết quốc tế.

Để bảo vệ quyền con người nói chung và để thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người nói riêng, quốc gia phải thực hiện một số nghĩa vụ nhất định như: nghĩa vụ tôn trọng, nghĩa vụ bảo vệ và nghĩa vụ thực hiện.

Nghĩa vụ tôn trọng quyền con người của quốc gia đặt ra trách nhiệm của Nhà nước phải kiểm chế không can thiệp (trực tiếp hoặc gián tiếp) vào việc hưởng thụ các quyền con người của cá nhân. Nghĩa vụ này liên quan tới các quyền chính trị và dân sự.

Những trường hợp quốc gia bị coi là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này (không tôn trọng quyền con người, vi phạm các cam kết quốc tế) thường xảy ra như: cơ quan lập pháp ban hành văn bản pháp luật hạn chế quyền tự do tư tưởng, tự do lập hội của người dân; cơ quan hành pháp đã có hành vi ngăn cản biểu tình một cách hợp pháp; cơ quan tư pháp đã ra phán quyết về việc coi việc thực hiện quyền tự do tư tưởng, tự do lập hội là hành vi phạm tội... Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp khi các cơ quan trên ra các quyết định như vậy thì có nghĩa là quốc gia vi phạm nghĩa vụ này. Có hai trường hợp có thể xảy ra như vậy là: thứ nhất, các cơ quan có thẩm quyền ra các quyết định hoặc có những hành vi liên quan tới các quyền trên nhưng không có nghĩa là vi phạm nghĩa vụ đã nêu của quốc gia; thứ hai, sau việc các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hoặc có hành vi bị coi là vi phạm nghĩa vụ đó, quốc gia đã có những hành động kịp thời chấn chỉnh.

Trường hợp thứ nhất thường xảy ra như: ví dụ, cơ quan lập pháp thông qua văn bản pháp luật về cấm tuyên truyền, chia rẽ tôn giáo, phân biệt chủng tộc (bởi hành vi đó là cần thiết để bảo vệ quyền con người khác – quyền bình đẳng tôn giáo và sắc tộc); các cơ quan hành pháp ngăn cản biểu tình trái pháp luật (ví dụ, cản trở việc hạ cánh của các chuyến bay, đe dọa an toàn hàng không...); các cơ quan tư pháp ra phán quyết về hành vi tổ chức lập hội mê tín dị đoan có nguy cơ dẫn đến tự sát tập thể là hành vi phạm tội.

Trường hợp thứ hai thường xảy ra như trên thực tế hành vi các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm nghĩa vụ của quốc gia về tôn trọng quyền con người song Nhà nước đã có cơ chế phát hiện kịp thời và khắc phục hậu quả. Về trường hợp này có thể lấy một số ví

dụ như: cơ quan lập pháp ban hành văn bản ngăn cấm một số quyền tự do chính trị song đã bị cơ quan cấp trên ra quyết định hủy bỏ văn bản ấy; sau việc cơ quan hành pháp đã có hành vi ngăn cản quyền tự do chính trị hợp pháp, các cơ quan có thẩm quyền khác đã có những hành vi kịp thời khắc phục hậu quả trên và chấn chỉnh sai phạm (ví dụ, xin lỗi, cải chính cho người bị vi phạm; truy cứu trách nhiệm đối với viên chức vi phạm); quyết định của cơ quan tư pháp về việc tuyên bố việc thực hiện quyền tự do chính trị là phạm tội bị hủy bỏ (ví dụ, Tòa phúc thẩm hủy bỏ quyết định của Tòa sơ thẩm).

Nghĩa vụ thực hiện của quốc gia trong lĩnh vực nhân quyền đặt ra trách nhiệm của nhà nước phải có những hành động tích cực nhằm đảm bảo quyền con người được thực hiện trên thực tế. Hay nói một cách khác đưa các quy định pháp luật về quyền con người phù hợp với các tiêu chí quốc tế vào cuộc sống. Nghĩa vụ thực hiện của quốc gia liên quan tới các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội. Ví dụ, để đảm bảo cho người dân có việc làm, Nhà nước phải có chính sách đào tạo nghề, phải có chính sách kinh tế sao cho người dân có thể tiếp cận với công việc một cách thuận lợi. Hay việc để đảm bảo người dân có quyền được chữa bệnh và chăm sóc y tế ở mức tối thiểu nhà nước phải có chính sách về y tế để đảm bảo được việc này. Trong lĩnh vực cư trú, Nhà nước phải có nghĩa vụ đảm bảo cho người dân quyền tự do cư trú. Bản chất của nghĩa vụ quốc gia trong việc đảm bảo quyền tự do cư trú xuất phát từ quyền của mỗi người được đảm bảo điều kiện sống không phải chỉ để tồn tại, mà còn được hình thành và thể hiện như một cá nhân tự do, như một thành viên tích cực của xã hội tham gia trực tiếp vào việc tạo ra và hưởng thụ các thành quả tinh thần và vật chất của xã hội⁴. Trong việc đảm bảo các quyền trên,

⁴ A-le-scô-va I. A, "Những vấn đề điều chỉnh và thực hiện quyền nhà ở và quyền tự do cư trú, lựa chọn chỗ cư trú và chỗ ở ở Liên bang Nga"; Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, tiếng Nga, số 12/2008, tr. 81.

Nhà nước hơn ai hết là chủ thể có trong tay quyền lực, bộ máy, pháp luật và cơ sở vật chất trên cơ sở đóng góp của người dân để thực hiện nghĩa vụ đó một cách tốt nhất với toàn xã hội. Các trường hợp vi phạm nghĩa vụ này thể hiện qua hành vi của cơ quan lập pháp và cả cơ quan hành pháp. Đối với cơ quan lập pháp, đó là hành vi không ban hành văn bản pháp luật kịp thời, hoặc ban hành văn bản pháp luật không phù hợp cho nên việc đảm bảo nghĩa vụ trên đã không được thực hiện một cách đầy đủ, ví dụ, không có quy định về miễn giảm viện phí đối với người nghèo trong các trường hợp cần cấp cứu khẩn cấp. Trong vấn đề đảm bảo quyền con người, cũng có thể có tổ chức, cá nhân hỗ trợ người dân nhằm thực hiện các quyền con người nói trên. Song vấn đề ở đây là đối với hành vi đó không phải là nghĩa vụ về mặt pháp lý mà là về mặt đạo đức.

Đối với cơ quan hành pháp, đó là hành vi không thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo theo quy định của pháp luật hoặc thực hiện một cách không phù hợp, ví dụ, tiền trợ cấp cho người nghèo bị phân tán không đúng đối tượng...

Nghĩa vụ bảo vệ của Nhà nước đặt ra trách nhiệm của Nhà nước phải ngăn chặn các hành vi vi phạm các quyền con người từ phía các chủ thể khác (các chủ thể khác ở đây có thể là cá nhân, tổ chức hoặc chính các cơ quan nhà nước). Nghĩa vụ này liên quan tới tất cả các quyền như quyền chính trị, dân sự và quyền kinh tế, văn hóa, xã hội. Các trường hợp vi phạm nghĩa vụ này của Nhà nước thường xảy ra khi cơ quan nhà nước đã không có các hành vi ngăn chặn kịp thời hoặc hành vi vi phạm quyền con người. Về việc vi phạm nghĩa vụ như vậy, có thể lấy ví dụ như các trường hợp sau: trường hợp cơ quan công an đã làm ngơ khi một người bị người khác chiếm nhà và đẩy ra khỏi nhà; các cơ quan có thẩm quyền đã không bảo vệ người dân khi bị trà đạp về danh dự và nhân phẩm. Để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ, vấn đề ở đây không phải chỉ là việc các cơ quan nhà nước không được xâm phạm tới các quyền

con người mà là việc Nhà nước phải có những biện pháp và cơ chế phòng ngừa, điều tra, truy tố và xét xử những hành vi vi phạm quyền con người một cách hiệu quả. Khi có bất cứ sự vi phạm nào về quyền con người mà không có sự ngăn chặn và trừng phạt một cách kịp thời thì có nghĩa là Nhà nước đã không thực hiện tốt nghĩa vụ này, nếu không muốn nói là Nhà nước đã vi phạm. Ví dụ, trong lĩnh vực môi trường, Nhà nước phải có nghĩa vụ đảm bảo cho người dân sống trong môi trường trong lành. Trong trường hợp không đảm bảo được như vậy, môi trường gây thiệt hại tới sức khỏe người dân, Nhà nước phải bồi thường. Quyền được bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tính mạng do môi trường gây ra là một biện pháp thực hiện và bảo vệ quyền của công dân được sống trong môi trường trong lành⁵.

2. CÁC ĐẶC ĐIỂM KHÁC CỦA QUYỀN CON NGƯỜI

Ngoài các đặc điểm cơ bản kể trên, quyền con người còn có một số đặc điểm chung khác như: quyền con người được xây dựng trên cơ sở tôn trọng nhân phẩm và giá trị của mỗi cá nhân; quyền con người đặt ra nghĩa vụ của các chủ thể khác; quyền con người không chỉ được bảo vệ bằng pháp luật quốc gia mà còn được bảo vệ bằng pháp luật quốc tế.

Thứ nhất, quyền con người được xây dựng trên cơ sở tôn trọng nhân phẩm và giá trị của mỗi cá nhân có nghĩa là tất cả các quyền con người đều xuất phát từ chính nhân phẩm và giá trị của con người. Ví dụ, các quyền dân sự và chính trị như: quyền bầu cử và ứng cử; quyền tự do tư tưởng; quyền tự do lập hội... được ghi nhận nhằm đảm bảo sự tôn trọng mỗi cá nhân trong việc tham gia vào quản lý đất nước, trong việc thể hiện quan điểm của mình, trong việc liên kết với cá nhân khác... Việc ghi nhận và đảm bảo các quyền trên hoàn toàn nhằm chống lại sự

⁵ Va-si-lev M. I, "Quyền và tự do của con người và công dân"; Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2008, tiếng Nga, tr. 26.

độc tài, gia trưởng và chuyên chế của một người hoặc nhóm người nhất định. Ví dụ, trong chế độ độc tài, nhân phẩm của con người bị chà đạp một cách thậm tệ, không có chỗ cho quyền tự do tư tưởng và lập hội. Đơn giản một điều là chế độ độc tài không thể tồn tại được khi người dân có quyền nhận xét và nói về chế độ ấy đúng thực tế với những gì mà họ cảm nhận.

Thứ hai, quyền con người đặt ra nghĩa vụ của các chủ thể khác, có nghĩa là một người có quyền xuất phát từ quyền con người đặt ra nghĩa vụ của tất cả phải tôn trọng. Hay nói một cách khác sự vi phạm quyền con người của một cá nhân có thể xuất phát từ hành vi của tất cả các chủ thể khác (cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước...). Trong vấn đề này quyền con người cũng giống quyền sở hữu có tính tuyệt đối (quyền của chủ sở hữu đặt ra nghĩa vụ của tất cả các chủ thể Luật Dân sự phải tôn trọng quyền đó của người chủ sở hữu). Ví dụ, quyền tự do tư tưởng của một người đặt ra nghĩa vụ của tất cả các cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước phải tôn trọng quyền đó. Bởi vì các chủ thể khác đều có thể vi phạm quyền trên, ví dụ một người cấm một người khác bày tỏ quan điểm của mình về chế độ hiện hành.

Thứ ba, quyền con người không chỉ được bảo vệ bằng pháp luật quốc gia mà còn được bảo vệ bằng pháp luật quốc tế có nghĩa là việc vi phạm các quyền con người bị coi là vi phạm cả pháp luật quốc gia và vi phạm cả pháp luật quốc tế.

Trước hết, quyền con người được ghi nhận trong một loạt các văn bản pháp luật quốc gia, đặc biệt là Hiến pháp. Các cơ quan hành pháp và tư pháp căn cứ trên cơ sở các văn bản đó để tiến hành đảm bảo và bảo vệ các quyền con người trong phạm vi chức năng, thẩm quyền và quyền hạn của mình. Nếu như có sự vi phạm quyền con người từ bất kỳ chủ thể nào (cá nhân, tổ chức, thậm chí cơ quan nhà nước) thì cá nhân hoặc chủ thể khác có thể khiếu nại, tố cáo... với các cơ quan có thẩm quyền về việc vi phạm trên. Chính vì vậy, để bảo vệ quyền con người,

pháp luật quốc gia không chỉ phải có hệ thống các quy phạm pháp luật về mặt nội dung (vật chất, thực chất), mà còn phải có một hệ thống đầy đủ các quy phạm pháp luật hình thức (tổ tụng) tương ứng để đảm bảo có một cơ chế xét xử, giải quyết các tranh chấp đối với các trường hợp vi phạm quyền con người.

Trong thời đại ngày nay, quyền con người còn được bảo vệ bởi pháp luật quốc tế. Điều này được thể hiện ở chỗ quyền con người được ghi nhận trong một loạt các điều ước quốc tế, đặc biệt là các điều ước quốc tế phổ biến. Vào giai đoạn đầu của thế kỷ XX đã có các công ước quốc tế đầu tiên ghi nhận nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo vệ quyền con người liên quan tới công dân của mình. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, các tiêu chí quốc tế về các quyền và tự do của con người đã được ghi nhận trong văn bản pháp lý quốc tế phổ biến – Tuyên ngôn chung về nhân quyền 1948⁶. Sau văn bản pháp lý quốc tế này của Liên hợp quốc, một loạt các điều ước quốc tế phổ biến về các lĩnh vực của quyền con người đã được ký kết nhằm cụ thể hóa tư tưởng của tuyên ngôn trên vào đời sống. Trong số các điều ước quốc tế kể trên, hai công ước quốc tế có ý nghĩa quan trọng nhất là Công ước về các quyền dân sự và chính trị và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội năm 1966 (Việt Nam gia nhập hai công ước này năm 1982). Sự bảo vệ quốc tế ở đây góp phần tăng thêm cơ sở pháp lý cho sự bảo vệ quyền con người trong trường hợp pháp luật các quốc gia nào đó ghi nhận không đầy đủ hoặc trên thực tế việc đảm bảo quyền con người có sự không phù hợp với các tiêu chí quốc tế. Quốc gia, nơi có sự vi phạm các tiêu chí quốc tế, phải gánh chịu trách nhiệm pháp lý quốc tế mà không được viện dẫn vào pháp luật của mình (điều này xuất phát từ Công ước Viên năm 1969 về Luật Điều ước quốc tế).

⁶ Xem: Nhe-phe-đôv B. I, "Từ quyền và tự do tới chế định nhân quyền: sự cần thiết thay đổi quan điểm", Tạp chí Công pháp và tư pháp quốc tế, số 5/2007, tiếng Nga, tr. 10-11.